TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS - ST.
Ngày: 29 – 6 - 2023.
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Phượng.

2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- *T ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Gia Mẫn – T ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST - DS, ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST - DS, ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà X, ấp H, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Minh T, sinh năm: 1995; địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 04/8/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Nguyên vào ngày 28/3/2019 âm lịch bị đơn ông Hồ Minh T có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 19.000.000 đồng dùng để xoay sở trong gia đình và sửa nhà, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, ngày trả tiền vay là ngày 28/6/2019 âm lịch nhưng đến ngày trả tiền ông T không trả vốn cũng không đóng lãi cho bà H. Khi vay ông T có viết biên nhận vay tiền và hứa trả lãi hàng tháng. Từ khi vay đến nay ông T đã trả được 2.800.000 đồng tiền vốn gốc nên ông T có nợ lại bà H số tiền 16.200.000 đồng.

Trong quá trình hòa giải ông T không thừa nhận tờ biên nhận nợ và tờ cam kết là chữ ký của ông T nên bà H yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký

nếu như giám định ra chữ ký của ông T thì bà H yêu cầu ông T trả cho bà H một lần đủ 16.200.000 đồng và chịu chi phí giám định còn nếu không phải chữ ký của ông T thì bà H thống nhất chỉ yêu cầu ông T trả cho bà H 6.200.000 đồng và bà H sẽ chịu chi phí giám định nhưng khi có kết quả giám định kết luận là chữ ký của ông T thì ông T lại không đồng ý trả cho bà số tiền 16.200.000 đồng mà chỉ đồng ý trả số tiền 6.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn ông Hồ Minh T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 16.200.000 đồng và bà H không yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Minh T trình bày: Ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông phải trả số tiền 16.200.000 đồng vì ông T chỉ vay của bà H số tiền là 9.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng và ông T đã trả được số tiền gốc là 2.800.000 đồng. Hiện tại ông T chỉ còn nợ bà H số tiền là 6.200.000 đồng và ông T sẽ trả cho bà H hàng tháng với số tiền là 1.000.000 đồng đến khi trả xong số tiền 6.200.000 đồng. Chữ ký trong biên nhận nhận nợ ngày 28/3/2019 và tờ cam kết ngày 29/12/2021 là không phải chữ ký của ông. Ông T thống nhất giám định chữ ký trong tờ biên nhận nợ và tờ cam kết, nếu giám định ra đó là chữ ký của ông thì ông thống nhất trả bà H 16.200.000 đồng và tiền chi phí giám định còn không phải thì ông chỉ đồng ý trả bà H 6.200.000 đồng.

Sau khi có kết quả giám định thì ông H đã được Tòa án công bố kết luận giám định số 1407/KL-KTHS ngày 24/2/2023 thì ông T không đồng ý là chữ ký của ông T nhưng không yêu cầu giám định lại chữ ký. Đồng thời ông T trình bày ông T đã đóng lãi hơn ba năm cho bà H với số tiền 48.600.000 đồng và đóng tiền gốc được 2.800.000 đồng. Ông đã cung cấp cho Tòa án 01 đơn xác nhận ngày 29/3/2023 và 01 tờ giấy photo. Ngoài ra, ông T không cung cấp thêm chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, ông T không đồng ý trả cho bà H số tiền 16.200.000 đồng mà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 6.200.000 đồng.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, T ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc

bị đơn ông Hồ Minh T hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc là 16.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn là ông Hồ Minh T. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn ông Hồ Minh T hiện cư trú tại ấp Đ, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn ông Hồ Minh T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay là 16.200.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ: bản gốc viết tay Biên nhận ngày 28/03/2019 có nội dung "Họ và Tên: Hồ Minh T còn sống chung với cha mẹ. cha Tôi Hồ Minh Đ mẹ Tôi Nguyễn Thị Thu H ở Ấp An Đức TT N P Sóc Trăng, có mượn tiền của chị Nguyễn Thị H 19.000.000 (mười chín triệu) Ngày 28/03/2019 dùng để chi trả trong gia đình." và bản gốc viết tay Tờ cam kết ngày 29/12/2021 có nội dung "Họ và tên: Hồ Minh T Số tiền: 19.000.000đ của chị H (Nợ) Ngày: 29/12/2021 gửi hàng tháng 1.000.000đ". Theo lời khai của của nguyên đơn thì chữ ký và chữ viết trong hai tài liệu nêu trên là của ông Hồ Minh T viết và ký tên còn bị đơn thì cho rằng đó không phải là chữ ký của ông T.

[3.2] Tại Bản kết luận giám định số: 1407/KL-KTHS ngày 24/02/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì các tài liệu "Biên nhận" đề ngày 28/03/2019 (ký hiệu A1); "Tờ cam kết" đề ngày 29/12/2021 (ký hiệu A2); đối chiếu mẫu so sánh tại mục II.2 "Biên bản lấy mẫu chữ ký của đương sự" đề ngày 09/12/2022 (ký hiệu M). kết luận: "1. Chữ ký đứng tên Hồ Minh T trên trên 02 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Hồ Minh T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký ra".

[3.3] Căn cứ vào Bản kết luận giám định số: 1407/KL-KTHS ngày 24/02/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ ký tại bản gốc viết tay Biên nhận ngày 28/03/2019 và bản gốc viết tay Tờ cam kết ngày 29/12/2021 là chữ ký của bị đơn ông Hồ Minh T và phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để xác định chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản gốc viết tay Biên nhận ngày 28/03/2019 có nội dung "Họ và Tên: Hồ Minh T còn sống chung với cha mẹ. cha Tôi Hồ Minh Đ mẹ Tôi Nguyễn Thị Thu H ở Ấp An Đức TT N P Sóc Trăng, có mượn tiền của chị Nguyễn Thị H 19.000.000 (mười chín triệu) Ngày 28/03/2019 dùng để chi trả trong gia đình." và bản gốc viết tay Tờ cam kết ngày 29/12/2021 có nội dung "Họ và tên: Hồ Minh T Số tiền: 19.000.000đ của chị H (Nợ) Ngày:

29/12/2021 gửi hàng tháng 1.000.000đ" là hoàn toàn hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có giao dịch dân sự dưới hình thức vay tài sản là có thật. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ và cho đến nay, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn được 2.800.000 đồng mà không thanh toán số tiền vay còn lại là 16.200.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bên cạnh đó, như đã nhận định trên, do chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp lệ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vốn vay 16.200.000 đồng chính đáng và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Hồ Minh T phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Đối với việc ông Hồ Minh T cho rằng ông đã đóng lãi cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H hơn ba năm với số tiền 48.600.000 đồng. Do nguyên đơn không thừa nhận việc ông T đã đóng lãi cho nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông T không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc ông đã đóng lãi cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí giám định: Căn cứ vào khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Hồ Minh T phải chịu 2.280.000 đồng, số tiền này nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã nộp xong nên bị đơn ông Hồ Minh T có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Hồ Minh T phải chịu 810.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn ông Hồ Minh T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Hồ Minh T phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bị đơn ông Hồ Minh T phải chịu 2.280.000 đồng (hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã nộp xong nên bị đơn ông Hồ Minh T có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 2.280.000 đồng (hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hồ Minh T phải chịu 810.000 đồng (tám trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 810.000 đồng (tám trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005903, ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh